

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2020/HNGĐ - ST.
Ngày: 30 - 9 - 2020.
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

2. Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **501/2020/TLST-HNGĐ** ngày **07 tháng 7 năm 2020** về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **110/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày 29 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số **129/2020/QĐST-HNGĐ** ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Hẻm số 4, P, tổ 8, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh Th, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Hẻm số 4, P, tổ 8, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị N đề nghị xét xử vắng mặt, anh TH vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh TH tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND thị trấn Long Thành. Sau khi kết hôn, anh chị sống không hòa thuận, mâu thuẫn gia đình liên tục xảy ra, ngày càng trầm trọng do anh TH thường xuyên nhậu nhẹt, quậy phá, làm ảnh hưởng rất NHều công việc của chị. Chị sống tại nhà anh chị, còn anh TH ra ngoài sống và khoảng 3 đến 4 ngày quay về nhậu nhẹt. Chị và anh TH đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Chị phải một mình làm nuôi con. Anh TH đã NHều lần gây họa cho chị, chị đã

gánh chịu rất NHIỀU lần. Nay chị xác định tình cảm cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh TH.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Thị TH NH, sinh ngày 06/11/2002, hiện nay đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu NH, không yêu cầu anh TH cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Nguyễn Minh TH*: Anh TH đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng anh TH vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành*:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N đối với anh TH.

Con chung: Tiếp tục giao cháu NH cho chị N nuôi dưỡng, anh TH không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh TH đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng anh TH vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị N, anh TH.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh TH có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 08/3/1999, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân. Xét việc anh TH vắng mặt trong quá trình tố tụng thể hiện anh không còn quan tâm đến hôn nhân với chị N nữa. Như vậy, giữa chị N và anh TH không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình

trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị N và anh TH.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Thị TH NH, sinh ngày 06/11/2002, hiện nay đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu NH, không yêu cầu anh TH cấp dưỡng nuôi con. Cháu NH có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét thấy, xuất phát từ lợi ích mọi mặt và đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu NH, xét yêu cầu về con chung của chị N là có căn cứ chấp nhận, giao cháu NH cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh TH không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị N khai tự thỏa thuận, còn anh TH không gửi yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị N khai không có và theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cẩm N về việc tranh chấp ly hôn đối với anh Nguyễn Minh TH, cho ly hôn giữa chị N và anh TH.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị TH NH, sinh ngày 06/11/2002 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh TH không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh TH được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001618 ngày 07/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chị N, anh TH được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND thị trấn L .
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa

